

# PHÉP CHIA

(3 tiết)

## A. Mục tiêu

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

– Nhận biết:

- Ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.
- Dấu chia.
- Thuật ngữ thể hiện phép chia: **chia đều**.

– Thao tác trên đồ dùng học tập: chia thành các phần bằng nhau, chia theo nhóm (HS làm quen với thuật ngữ, chưa cần phân biệt hai thuật ngữ này).

– Nhận biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.

– Làm quen bài toán về ý nghĩa của phép chia, bước đầu phân biệt với bài toán về ý nghĩa của phép nhân.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống.

**Phẩm chất:** nhân ái, trung thực (chia đều, công bằng).

## B. Thiết bị dạy học

GV: 20 khối lập phương, HS: 10 khối lập phương.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞI ĐỘNG

**Trò chơi: GIÓ THỔI**

**GV:** Gió thổi, gió thổi!

**HS:** Thổi gì, thổi gì?

**GV:** Thổi **4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo. Có tất cả bao nhiêu cái kẹo?** (GV chỉ định 4 bạn, mỗi bạn đưa 3 ngón tay tượng trưng cho 3 cái kẹo).

**HS:** Viết phép nhân ra bảng con  $3 \times 4 = 12$  (kết quả phép nhân dựa vào tổng các số hạng bằng nhau).

**GV:** Viết phép nhân  $3 \times 4 = 12$  ở góc bảng lớp và nói: “**4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo, có tất cả 12 cái kẹo**”.

### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. Chia thành các phần bằng nhau

**a) Hình thành phép chia** (HS không sử dụng SGK)

– GV đọc bài toán dẫn nhập “Chia đều 12 cái kẹo cho 4 bạn. Mỗi bạn được mấy cái kẹo?”, vừa đọc GV vừa gắn 12 khối lập phương lên bảng (vị trí các khối lập phương không ngay hàng).

– HS (nhóm bốn) dùng 12 khối lập phương, **chia** lần lượt 3 lần, mỗi lần chia cho mỗi bạn 1 khối lập phương.

– Các nhóm trình bày, GV thao tác với các khối lập phương trên bảng.

– GV giới thiệu phép chia:

- 12 cái kẹo chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được 3 cái kẹo.
- Ta có phép chia  $12 : 4 = 3$  (GV viết lên bảng lớp).
- GV chỉ vào phép chia, giới thiệu cách đọc và cho HS đọc nhiều lần.
- GV giới thiệu dấu chia.

– Giới thiệu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.

- GV chỉ vào phép nhân  $3 \times 4 = 12$  (ở góc bảng, đã ghi lại trong phần khởi động), HS **đọc**, GV viết lại phép nhân đó ở vị trí trên phép chia rồi đóng khung bằng phần màu.

$$3 \times 4 = 12$$

$$12 : 4 = 3$$

- GV chỉ vào từng phép tính, nói lại các tình huống xảy ra phép tính:  
4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo, có tất cả 12 cái kẹo.  
Chia đều 12 cái kẹo cho 4 bạn, mỗi bạn được 3 cái kẹo.
- HS **viết** hai phép tính này ra bảng con và đọc nhiều lần.

**b) Thực hành bài toán chia thành các phần bằng nhau** (HS sử dụng SGK)

**Bài 1:**

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài.

- **Đọc** kĩ bài toán, xác định “cái đã cho” và “cái phải tìm”.

- Nhận biết các việc cần làm:

**Thao tác** chia cụ thể trên 10 khối lập phương.

**Viết** phép chia. ( $10 : 5 = 2$ )

**Viết** phép nhân tương ứng. ( $2 \times 5 = 10$ )

– HS thực hiện và viết các phép tính trên bảng con.

– Sửa bài.

- GV kiểm soát bảng con của các nhóm.
- Một vài nhóm **trình bày** cách làm.
- GV giúp HS **thao tác** chia với các khối lập phương trên bảng lớp (cách chia như phần bài học).
- GV đóng khung hai phép tính:
- HS đọc nhiều lần hai phép tính này.
- GV giúp HS dựa vào hai phép tính, **nói** các tình huống:

Chia đều 10 cái bánh cho 5 bạn, mỗi bạn được 2 cái bánh.

5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả 10 cái bánh.

$$10 : 5 = 2$$

$$2 \times 5 = 10$$

**2. Chia theo nhóm**

**a) Hình thành phép chia** (HS không sử dụng SGK)

– GV đọc bài toán dẫn nhập “Có 12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 3 cái. Hỏi có mấy bạn được chia kẹo?”, vừa đọc GV vừa gắn 12 khối lập phương lên bảng (vị trí các khối lập phương không ngay hàng).

– HS (nhóm bốn) dùng 12 khối lập phương, **chia** lần lượt 4 lần, mỗi lần chia cho mỗi bạn 3 khối lập phương.

– Các nhóm **trình bày**, GV thao tác với các khối lập phương trên bảng.

– GV giới thiệu phép chia:

- 12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 3 cái. Có 4 bạn được chia.
- Ta có phép chia  $12 : 3 = 4$  (GV viết lên bảng lớp).
- GV chỉ vào phép chia, giới thiệu cách đọc và cho HS đọc nhiều lần.

– Giới thiệu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.

- GV chỉ vào phép nhân  $3 \times 4 = 12$  (ở góc bảng, đã ghi lại trong phần khối động), HS **đọc**, GV viết lại phép nhân và hai phép chia rồi đóng khung bằng phấn màu.

$$3 \times 4 = 12$$

$$12 : 4 = 3$$

$$12 : 3 = 4$$

- GV chỉ vào từng phép tính, nói lại các tình huống xảy ra phép tính:  
4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo, có tất cả 12 cái kẹo.  
Chia đều 12 cái kẹo cho 4 bạn, mỗi bạn được 3 cái kẹo.  
12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 3 cái. Có 4 bạn được chia.
- GV chỉ vào thứ tự các thành phần của phép nhân ( $3 \times 4 = 12$ ), HS **đọc** các phép tính tương ứng.  
Ví dụ: Thứ tự chỉ **3, 4, 12**  $\longrightarrow$  đọc  **$3 \times 4 = 12$**   
Thứ tự chỉ **12, 4, 3**  $\longrightarrow$  đọc  **$12 : 4 = 3$**   
Thứ tự chỉ **12, 3, 4**  $\longrightarrow$  đọc  **$12 : 3 = 4$**
- GV giúp HS ghi nhớ: **Ta có thể tìm kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.**

**b) Thực hành bài toán chia theo nhóm** (HS sử dụng SGK)

**Bài 2:**

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài.

- Đọc kĩ bài toán, **xác định** “cái đã cho” và “cái phải tìm”.
- Nhận biết các việc cần làm:

**Thao tác chia** cụ thể trên 10 khối lập phương.

**Viết** phép chia.

**Viết** phép nhân tương ứng.

– HS **thực hiện** và **viết** các phép tính trên bảng con.

– Sửa bài.

- GV kiểm soát bảng con của các nhóm.
- Một vài nhóm **trình bày** cách làm.
- GV giúp HS **thao tác** chia với các khối lập phương trên bảng lớp (cách chia như phần bài học).
- GV đóng khung hai phép tính:
- HS **đọc** nhiều lần hai phép tính này.
- GV giúp HS dựa vào hai phép tính, **nói** các tình huống:  
Có 10 cái bánh, chia cho mỗi bạn 2 cái bánh. Có 5 bạn được chia.  
5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả 10 cái bánh.
- GV viết ba phép tính liên quan rồi cho HS **đọc**.

$$10 : 5 = 2$$

$$2 \times 5 = 10$$

$$2 \times 5 = 10$$

$$10 : 5 = 2$$

$$10 : 2 = 5$$

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

– Nhóm bốn HS **tìm hiểu** yêu cầu của bài, **nhận biết**:

- Dựa vào hình ảnh, **viết** phép nhân thích hợp.
- Dựa vào phép nhân, **viết** hai phép chia tương ứng.

– Phân tích mẫu.

- Có mấy hàng xe? (4 hàng)
- Mỗi hàng có mấy xe? (6 xe)
- Cái gì lặp lại? (6 xe)
- 6 xe được lấy mấy lần? (6 xe được lấy 4 lần)
- Phép tính tìm số xe có tất cả? ( $6 \times 4 = 24$ )
- Từ phép nhân trên, **đọc** hai phép chia tương ứng ( $24 : 4 = 6$ ,  $24 : 6 = 4$ ).
- Giúp HS dựa vào ba phép tính, **nói** các tình huống:

Có 4 hàng xe, mỗi hàng 6 xe, có tất cả 24 xe.

Xếp đều 24 xe thành 4 hàng, mỗi hàng có 6 xe.

24 xe, xếp mỗi hàng 6 xe, có 4 hàng.

– HS **thực hiện** từng câu a, b ra bảng con.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **nói** theo phân tích mẫu.

a)  $7 \times 3 = 21$

$21 : 3 = 7$

$21 : 7 = 3$

b)  $5 \times 4 = 20$

$20 : 4 = 5$

$20 : 5 = 4$

### Bài 2:

– HS tự **tìm hiểu** và **làm bài**.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **nói** tình huống phù hợp với phép tính.

Chẳng hạn:

•  $7 \times 8 = 56$   $\longrightarrow$  Có 8 bạn, mỗi bạn có 7 cái kẹo, có tất cả 56 cái kẹo.

•  $56 : 8 = 7$   $\longrightarrow$  Chia đều 56 cái kẹo cho 8 bạn, mỗi bạn được 7 cái kẹo.

•  $56 : 7 = 8$   $\longrightarrow$  Có 56 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 7 cái, có 8 bạn được chia.

### Bài 3:

– HS **đọc** yêu cầu, **nhận biết**: để tìm kết quả phép chia, ta dựa vào phép nhân tương ứng.

– Phân tích mẫu.

- Để biết 20 chia 5 bằng **mấy**.
- Ta nhằm xem 5 nhân **mấy** bằng 20 ( $5 \times 4 = 20$ ).
- Vậy 20 chia 5 bằng **4**.

– HS **thực hiện** bài.

– Khi sửa bài, lưu ý HS **nói** cách nhằm.



